

NỘI DUNG MÔN HỌC NGŨ VĂN KHỐI 11

NĂM HỌC 2021-2022

TUẦN 3

Tiết 9: THƯƠNG VỢ

Trần Tế Xương

I. Tìm hiểu chung

1. Tác giả

- Trần Tế Xương (1870- 1907) thường gọi là Tú Xương.
- Quê làng Vị Xuyên – Mỹ Lộc – Nam Định.
- Tú Xương sống 37 năm chỉ đỗ tú tài nhưng sự nghiệp thơ ca của ông trở thành bất tử.
- Sáng tác của Tú Xương gồm 2 mảng: trữ tình và trào phúng.

2. Đề tài, vị trí bài thơ

“Thương vợ” là một trong những bài thơ hay nhất và cảm động nhất của Tú Xương.

II. Đọc – hiểu văn bản

1. Hai câu đề

“Quanh năm buôn bán ở mom sông

Nuôi đủ năm con với một chồng”

Kể về công việc làm ăn và gánh nặng mà bà Tú phải đảm đương:

- *Quanh năm* : Cách tính thời gian vất vả, triền miên, hết năm này sang năm khác.
- *Mom sông* : Địa điểm làm ăn cheo leo, nguy hiểm, không ổn định.

- *Nuôi đủ 5 con... 1 chồng* : Bà Tú nuôi 6 miệng ăn. Ông Tú tự coi mình như một thứ con riêng đặc biệt (Một mình ông = 5 người khác).

→ Lòng biết ơn sâu sắc công lao của bà Tú đối với cha con ông Tú. Lòng vị tha cao quý của bà càng thêm sáng tỏ.

2. Hai câu thực

“Lặn lội thân cò khi quãng vắng

Eo sèo mặt nước buổi đò đông”

Đặc tả cảnh làm ăn vất vả để mưu sinh của bà Tú.

- *Lặn lội thân cò*: Vất vả, đơn chiếc khi kiếm ăn.
- *Quãng vắng, đò đông*: Cảnh kiếm sống chơi vơi, nguy hiểm.
- *Eo sèo*: Chen lấn, xô đẩy, vì miếng cơm manh áo của chồng con mà đành phải rơi vào cảnh liêu lĩnh cau có, giành giật.
- Nghệ thuật đảo ngữ: Sự vất vả, sự hi sinh lớn lao của bà Tú đối với gia đình
→ Nói bằng tất cả nỗi chua xót. Thấm đẫm tình yêu thương.

3. Hai câu luận

*“Một duyên hai nợ âu đành phận,
Năm nắng mười mưa dám quản công.”*

- *Một duyên / năm nắng*
- *Hai nợ / mười mưa*
- *Âu đành phận / dám quản công*

→ Câu thơ như một tiếng thở dài cam chịu. Cách sử dụng phép đối, thành ngữ, từ ngữ dân gian, bộc lộ kiếp nặng nề nhưng rất mực hi sinh của bà Tú.

- Dùng số từ tăng tiến: 1-2-5-10: Đức hi sinh thầm lặng cao quý. Bà Tú hiện thân của một cuộc đời vất vả, lận đận. Ở bà hội tụ tất cả đức tính tần tảo đảm đang, nhẫn nại. Tất cả hi sinh cho chồng con.

→ Ông Tú hiểu được điều đó có nghĩa là vô cùng thương bà Tú. Nhân cách của Tú Xương càng thêm sáng tỏ.

4. Hai câu kết

*“Cha mẹ thói đời ăn ở bạc
Có chồng hờ hững cũng như không.”*

- Tú Xương tự chửi mình vì cái tội làm chồng mà hờ hững, để vợ phải vất vả lận lội kiếm ăn. Ông vừa cay đắng vừa phẫn nộ.

- Tú Xương chửi cả xã hội, chửi cái thói đời đều cang, bạc bẽo để cho bà Tú vất vả mà vẫn nghèo đói.

- Từ tấm lòng thương vợ đến thái độ đối với xã hội

=> Nhân cách của Tú Xương ân tình, nhân ái, chân thật.

III. Tổng kết

1. Nội dung

Chân dung người vợ trong cảm xúc yêu thương cùng tiếng cười tự trào và một cách nhìn về thân phận người phụ nữ của Tú Xương.

2. Nghệ thuật

- Vận dụng sáng tạo ngôn ngữ và thi liệu văn hóa dân gian.
- Kết hợp nhuần nhuyễn giữa trữ tình và trào phúng.

IV. Luyện tập (trang 30 sgk)

- Về hình ảnh: Tú Xương đã vận dụng hình ảnh “con cò” trong ca dao thành hình ảnh “thân cò” có phần xót xa, tội nghiệp hơn. Hình ảnh “thân cò” còn có tác dụng nhấn mạnh nỗi vất vả, gian truân của bà Tú và nỗi đau thân phận.
- Về từ ngữ: thành ngữ “năm nắng mười mưa” được vận dụng một cách rất sáng tạo. Cụm từ “nắng mưa” chỉ sự vất vả. Các từ năm, mười là số lượng phiếm chỉ, để nói số nhiều, được tách ra rồi kết hợp với “nắng, mưa” tạo nên một thành ngữ chéo. Hiệu quả của nó vừa nói lên sự vất vả, gian lao, vừa thể hiện đức tính chịu thương chịu khó, hết lòng vì chồng con của bà Tú.

Tiết 10: Đọc thêm - KHÓC DƯƠNG KHUÊ

Nguyễn Khuyến

I. Tìm hiểu chung

1. Tác giả:

- Nguyễn Khuyến: 1835, quê Hà Nam. Dương Khuê: 1839, quê Hà Sơn Bình.
- Hai người kết bạn từ thuở thi đậu, Nguyễn Khuyến bỏ quan về quê, Dương Khuê vẫn làm quan. Nhưng cả hai vẫn giữ tình bạn gắn bó.

2. Tác phẩm:

- Nghe tin bạn mất, Nguyễn Khuyến làm bài thơ này khóc bạn.
- Bài thơ viết bằng chữ Hán có nhan đề là: *Văn đồng niên Vân Đình tiến sĩ Dương Thượng thư*. Có bản dịch là *Khóc bạn*. Lâu nay quen gọi là *Khóc Dương Khuê*.
- Sau này tự tác giả dịch ra chữ Nôm.

II. Đọc hiểu văn bản

1. Giá trị nội dung

a. Nỗi xót xa nghe tin bạn mất

Câu thơ như tiếng thở dài

- Hư từ: *Thôi* → Tiếng than nhẹ nhàng, gợi cảm, đau đột ngột khi vừa nghe tin bạn mất.

- Cách xưng hô: *Bác*: Sự trân trọng tình bạn người cao tuổi.

- Hình ảnh: *Man mác, ngậm ngùi*: → nỗi mát mát như chia sẻ với đất trời. Nhịp điệu câu thơ cũng tạo nên sự nghẹn ngào chua xót.

→ Nghệ thuật nói giảm, cách dùng hư từ và những hình ảnh mang tính tượng trưng, làm nhẹ nỗi đau đớn khi nghe tin bạn mất.

b. Tình bạn chân thành, thủy chung gắn bó

Tiếng khóc như giải bày, làm sống lại những kỉ niệm của tình bạn thắm thiết, hay tiếng khóc mang cảm hứng nhân sinh của kẻ sĩ bất lực trước thời cuộc.

- Cùng thi đậu, cùng vui chơi, cùng nhau uống rượu, cùng gặp nhau một lần, cả hai cùng sống trong cảnh hoạn nạn và cùng đang trong tuổi già.

→ Tình bạn keo sơn, thắm thiết. Bộc lộ nỗi niềm trong tâm trạng thâm kín với nỗi đau thời thế.

c. Nỗi hụt hẫng mất mát

Mất bạn Nguyễn Khuyến như mất đi một phần cơ thể.

- Muốn gặp bạn nhưng tuổi già không cho phép. Nay bạn mất, đau đớn vô cùng.

- Mất bạn trở nên cô đơn: Rượu không muốn uống, thơ không muốn làm, đàn không gảy, giường treo lên.

- Ngôn ngữ thơ đạt đến mức trong sáng tuyệt vời: Lặp 5 từ *không* trong tổng số 14 từ để diễn tả một cái không trông rộng đến ghê gớm khi mất bạn.

→ Tình bạn già mà vẫn keo sơn, gắn bó.

2. Nghệ thuật

Cách sử dụng từ và hình ảnh, sử dụng điển tích, âm điệu của câu thơ song thất lục bát, nhân vật trữ tình tự bộc lộ tâm trạng.

III. Tổng kết

Bài thơ giúp ta hiểu về tình bạn thủy chung, gắn bó, hiểu thêm về khía cạnh khác của nhân cách Nguyễn Khuyến.

Tiết 11. Đọc thêm - VỊNH KHOA THI HUƠNG

Trần Tế Xương

I. Tiểu dẫn

- Đề tài: khoa cử.

- Nội dung:

Thái độ mỉa mai châm biếm, phản uất của nhà thơ đối với chế độ khoa cử nhố nhăng của XHTD nửa phong kiến ở buổi đầu và tâm sự của nhà thơ.

II. Đọc- hiểu văn bản

1. Nội dung

a. Hai câu đầu: Sự xáo trộn của trường thi

*“Nhà nước ba năm mở một khoa,
Trường Nam thi lẫn với trường Hà.”*

Thông báo về sự thay đổi trong tổ chức thi cử:

- Bề ngoài thì bình thường: Một kì thi theo đúng thời gian thông lệ: Ba năm một lần.
- Thực chất không bình thường: *Trường Nam thi lẫn trường Hà*. Người tổ chức không phải là triều đình mà là “nhà nước”.

→ Cách thức tổ chức bất thường.

- Cách dùng từ: *Lẫn* -> Mỉa mai, khẳng định một sự thay đổi trong chế độ thực dân cũ, dự báo một sự ô hợp, nhốn nháo trong việc thi cử.

→ Thực dân Pháp đã lập ra một chế độ thi cử khác.

b. Bốn câu tiếp: cảnh trường thi nhốn nháo ô hợp

*“Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ,
Ậm ọe quan trường miệng thét loa.
Lọng cấm rợp trời quan sứ đến
Váy lê quét đất mụ đầm ra”*

- *Lôi thôi, vai đeo lọ*: Hình ảnh có tính khôi hài, luộm thuộm, bệ rạc.

→ Nghệ thuật đảo ngữ: *Lôi thôi sĩ tử* thì nhếch nhác lôi thôi- vừa gây ấn tượng về hình thức vừa gây ấn tượng khái quát hình ảnh thi cử của các sĩ tử khoa thi Đình Dậu.

- Hình ảnh quan trường: ra oai, nạt nộ, nhưng giả dối.

→ Nghệ thuật đảo: *âm ọ quan trường* - Cảnh quan trường nhốn nháo, thiếu vẻ trang nghiêm, một kì thi không nghiêm túc, không hiệu quả.

- Hình ảnh: Cờ rợp trời - Tổ chức linh đình.

- Hình ảnh quan sứ và mũ đầm: Phô trương, hình thức, không đúng lễ nghi của một kì thi.

→ Tất cả báo hiệu một sự sa sút về chất lượng thi cử - bản chất của xã hội thực dân phong kiến.

- Hình ảnh: *Lọng >< váy; trời >< đất; quan sứ >< mũ đầm*: Đả kích, hạ nhục bọn quan lại, bọn thực dân Pháp.

c. Hai câu cuối: Thức tỉnh các kẻ sĩ và nỗi xót xa của nhà thơ trước cảnh nước mất:

*“Nhân tài đất Bắc nào ai đó,
Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà.”*

- Câu hỏi tu từ mang ý nghĩa thức tỉnh các kẻ sĩ và cũng là câu hỏi với chính mình về thân phận kẻ sĩ thời mất nước.

Bộc lộ tâm trạng nhà thơ: Buồn chán trước cảnh thi cử và hiện thực nước nhà.

→ Lòng yêu nước thâm kí, sâu sắc của Tế Xương.

2. Nghệ thuật

- Lựa chọn từ ngữ, hình ảnh, đảo trật tự cú pháp.

- Nhân vật trữ tình tự nhận thức, bộc lộ sự hài hước châm biếm.

III. Tổng kết

Bài thơ cho người đọc thấy được thái độ trọng danh dự và tâm sự lo nước thương đời của tác giả trước tình trạng thi cử trong buổi đầu chế độ thuộc địa nửa phong kiến.